

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST
Ngày: 13-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tài

Ông Lê Mộng Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/HSST-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Võ Phước V**(V Đĩa), sinh năm 1993; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Số 29/9, ấp Thạnh Trị Thượng, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Võ Văn Kia, sinh năm 1967 (còn sống); Con bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1967 (còn sống); Bị cáo có 02 người chị (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1990), bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2021. Bị cáo có mặt tại tòa

2. **Lê Hữu B**(Gen), sinh năm 2001; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: số 101/7, ấp Thạnh Khương A, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Con ông Lê Hoài Phong, sinh năm 1974 (còn sống); Con bà Nguyễn Thị Luyến, sinh năm 1979 (còn sống); Bị cáo có 01 người em sinh năm 2016, bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15 tháng 9 năm 2021. Bị cáo có mặt tại tòa

3. **Trà Minh N**(Long Nhì), sinh năm 2000; Nơi sinh; tỉnh Bến Tre; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp An Ninh B, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Con ông Trà Văn Bớt, sinh năm 1972 (còn sống); Con bà Bùi Thị Nguyên, sinh năm 1974 (còn sống); Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1995, bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15 tháng 9 năm 2021. Bị cáo có mặt tại tòa

4. **Bùi Khánh N**, sinh năm 1999; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: số 98/7, ấp An Ninh A, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 03/12; Họ và tên cha: không rõ; Con bà Bùi Thị Loan; sinh năm 1976 (còn sống); Vợ: Võ Thị Hồng và có 01 người em sinh năm 2015.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: có 01 tiền sự về hành vi gây thương tích cho người khác theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-XPHC ngày 01 tháng 5 năm 2020 của Trưởng Công an huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15 tháng 9 năm 2021. Bị cáo có mặt tại tòa

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Khánh N: Luật sư Trần Nhật Long Huy – Văn Phòng Luật sư Huy Nguyên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

5. **Trần Văn Ba Tít Tu T**(Ba Tít), sinh năm 2000; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: số 38/1, ấp An Ninh B, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Nghề nghiệp: Làm bánh; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Con ông Trần Văn Tòng; sinh năm 1962 (còn sống); Con bà Trần Thị Cầu; sinh năm 1962 (còn sống); Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1996, bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc trái phép nên ngày 20 tháng 8 năm 2020 bị Trưởng Công an xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre ra Quyết định số 67/QĐ – XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), đã chấp hành xong ngày 15 tháng 09 năm 2021.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15 tháng 9 năm 2021. Bị cáo có mặt tại tòa.

6. **Nguyễn Hoài D**(Dư Mập), sinh năm 2000. Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: số 472/4, ấp Giang Hà, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Nguyễn Văn Sao, sinh năm 1962 (còn

sống); Co bà Nguyễn Thị Dân, sinh năm 1966 (còn sống); Bị cáo có 02 người chị (lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1987), bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29 tháng 9 năm 2021. Bị cáo có mặt tại tòa.

7. Trương Văn T (Trà Dâm), sinh ngày 01/11/2003; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: số 9/3, ấp An Ninh B, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Con ông Trương Văn Bạch; sinh năm 1978 (còn sống); Con bà Ngô Thị Linh; sinh năm 1980 (còn sống);

Bị cáo có 01 người em sinh năm 2014, bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: có 01 tiền sự về hành vi đánh nhau với người khác theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 56/QĐ-VPVPHC ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Trưởng Công an xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn Trà: Bà Lê Thị Mộng Thùy – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

*** Bị hại:**

1. Nguyễn Văn K, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí Thuận A, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Văn V, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí Thuận A, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Đỗ Khắc V, sinh năm 1989

Nơi cư trú: ấp Quí An Hòa, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Bùi Khánh Ninh:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1976 nơi cư trú ấp An Ninh A, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trương Văn Trà:* Ông Trương Văn B, sinh năm 1978 nơi cư trú ấp An Ninh B, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Khánh Trân, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí An Hòa, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Đỗ Văn Hai, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí An Hòa, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Trần Thị Hằng, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí An Hòa, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1967

Nơi cư trú: ấp Thạnh Trị Thượng, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Võ Văn Kia, sinh năm 1967

Nơi cư trú: ấp Thạnh Trị Thượng, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Nguyễn Thị Luyến, sinh năm 1979

Nơi cư trú: ấp Thạnh Khương A, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

7. Bà Bùi Thị Nguyên, sinh năm 1974

Nơi cư trú: ấp An Ninh B, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

8. Ông Trần Văn Tòng, sinh năm 1962

Nơi cư trú: ấp An Ninh B, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

9. Bà Nguyễn Thị Dân, sinh năm 1966

Nơi cư trú: ấp Giang Hà, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

10. Bà Phạm Thị Đang, sinh năm 1968

Nơi cư trú: ấp Quí Thuận A, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Lê Văn Kha, sinh năm 2000

Nơi cư trú: ấp An Ninh A, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Trần Văn Lưu, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp An Thủy, xã An Qui, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Lê Tuấn Luông, sinh năm 1999

Nơi cư trú: ấp Thạnh Hòa B, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Anh Mạch Chí Kiệt, sinh năm 1989

Nơi cư trú: ấp Thạnh Trị Thượng, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

5. Anh Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Thạnh Khương B, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Anh Nguyễn Văn Thao, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí Đức B, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

7. Võ Minh Luân (Luân Lùn), sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Xương Hòa 2, xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

8. Anh Nguyễn Hoài Thương (Bò Đực), sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí Thuận A, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

9. Chị Nguyễn Thị Vô, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí Thuận A, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

10. Chị Phạm Thị Thanh Ngân, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Quí Thuận B, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

11. Chị Trần Thị Tú, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Thạnh Khương B, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2021, Võ Phước V (tên gọi khác: V Đĩa) có mượn Nguyễn Văn K số tiền 25.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Đến hạn trả nợ, K nhiều lần kêu V trả tiền nhưng V chưa trả. Khoảng 12 giờ ngày 02 tháng 02 năm 2021, V đến sân gà ở ấp Quí Đức B, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre chơi thì Đỗ Khắc Vảng (bạn của K) nhìn thấy nên Vảng gọi điện thoại nói K biết để đến gặp V đòi tiền. K nghe Vảng nói gặp V nên rủ em là Nguyễn Văn Vũ và bạn là Nguyễn Hoài Thương (tên gọi khác: Bò Đực) đến sân gà tìm V. Đến nơi, K, Vũ, Vảng và Thương yêu cầu V trả tiền thì hai bên xảy ra cãi vã. V nói không có tiền trả và bực tức bỏ đi khỏi sân gà, dùng điện thoại gọi cho Bùi Khánh N, Trà Minh N và Trần Văn Ba Tít Tu nói: “Anh thiếu tiền tui ở Hòa Lợi, bị ép trả và hăm đánh, tui em đến phụ anh, có đồ gì (hung khí) thì đem theo!”. Ninh, Nhi và Tu Ta đồng ý nên V quay lại gần khu vực sân gà đợi Ninh, Nhi và Tu Ta đến.

Nghe điện thoại của V xong, Ninh gọi điện thoại cho Nguyễn Hoài D (tên gọi khác: Dư Mập) nói: “Đại ca (V) đụng chuyện (tức bị hăm đánh) với mấy thằng ở Hòa Lợi, chú coi chạy lên đi?” thì Dư đồng ý và kêu Ninh đi trước, để Dư tìm xe chạy lên sau. Tiếp đó, Ninh gọi điện thoại cho Trần Văn Lưu hỏi Lưu đang ở đâu, Lưu nói đang ở nhà Nghị (ở ấp An Thủy, xã An Qui, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre), khoảng 15 đến 20 phút sau Ninh điều khiển xe mô tô đến nhà Nghị nói: “Lên xe đi chơi!”. Lưu đồng ý nên lên xe để Ninh chở đi. Khi Ninh điều khiển xe gần tới nhà Lưu, Ninh bảo Lưu vào nhà Lưu để lấy côn nhị khúc. Lưu hỏi: “Đi đâu?” thì Ninh nói: “Đi lên đây, có công chuyện của em nè!”. Nghĩ là Ninh gặp chuyện, bị hăm đánh nên Lưu đồng ý đi cùng Ninh.

Trà Minh N (tên gọi khác: Long Nhi) đang ở chòi canh giữ tôm của gia đình cùng với Trương Văn T (tên gọi khác Trà Dâm; sinh ngày 01/11/2003) và Lê Văn Kha. Sau khi nghe điện thoại từ V, Nhi ra khỏi căn chòi gọi điện thoại cho Lê Hữu

B(tên gọi khác: Gen), nói: “Anh V đừng chuyện (bị người ta đòi đánh), mày có đi phụ anh V không, nếu đi thì có đồ gì (hung khí) mang theo!”. Bằng đồng ý nên trả lời “Ừ!” rồi tắt máy. Tiếp đến, Nhi liên lạc với Trần Văn Ba Tít Tu Thỏi: “Anh V có gọi không?”. Tu Ta nói “Có!” nên Nhi nói: “Vậy đến chòi tôm đi chung!”. Sau đó, Nhi vào chòi nhờ Kha chở đi công chuyện nên Kha đồng ý (Kha không biết sự việc của V). Kha chở Nhi, Tu Ta đến chở Trà đến nhà của Nhi. Đến nơi, Tu Ta và Kha ở ngoài, Nhi và Trà vào sau nhà lấy một hộp giấy bên trong có 03 (ba) dao tự chế và một bao đựng 02 (hai) ống tuýp sắt. Nhi lấy 02 tuýp sắt để chung vào một hộp giấy đựng 03 con dao tự chế, rồi đưa hộp giấy cho Trà cầm mang ra ngoài. Kha nhìn thấy nhưng không biết bên trong là gì. Sau đó, Tu Ta chở Trà, Kha chở Nhi chạy đến xã Quới Điền tìm V.

Riêng Bằng, sau khi nghe điện thoại của Nhi xong thì lấy 02 (hai) con dao tự chế để vào bao màu trắng, đặt trên ba ga xe mô tô rồi điều khiển đến khu vực gần ngã ba Sân Trâu (ở xã Mỹ Hưng) gọi điện thoại cho Nhi, hỏi: “Đi chưa?”, Nhi trả lời: “Gần tới ngã ba Sân Trâu rồi!”. Bằng nói: “Vậy đợi đến đi chung!” rồi tắt máy. Đến khu vực gần ngã ba Sân Trâu thì cả nhóm gặp nhau, Nhi mới gọi điện thoại cho V hỏi đường rồi cùng nhau đến sân gà. Lúc này, K, Vũ, Vảng và Thương đang trong sân gà nghe nói V kêu nhiều người đến sân gà tìm K nên K, Vũ, Vảng và Thương bỏ đi về trước. Những người khác tụ tập tại sân gà biết sự việc nên cũng giải tán, chưa có trận gà nào diễn ra. Khoảng 12 giờ 30 phút, V gặp Nhi, Kha, Tu Ta, Trà và Bằng. Sợ vào sân gà ảnh hưởng đến người khác nên V đi cùng nhóm của Nhi đến quán Su Hào ở ấp Thạnh Khương B, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đợi những người còn lại. Khoảng 14 giờ, Ninh chở Lưu đến quán Su Hào. Khi đó, Lưu phát hiện không phải là chuyện của Ninh và Ninh lên đây là vì chuyện của V nên Lưu quay sang nói với Ninh: “Tao với thằng V Đĩa nghịch mà mày kêu tao lên làm gì!”. Nói xong, Lưu vứt bỏ côn nhị khúc rồi đến gian giữa của quán Su Hào nằm võng, không tham gia cùng nhóm của V. Một lúc sau, Dư cũng điều khiển xe mô tô đi đến. Các hung khí được mang theo, Trà và Bằng để tập trung ở góc cuối của quán nước. Thấy nhóm đã tập hợp đông đủ tại gian thứ ba của quán Su Hào (tính từ quầy nước trở ra), V gọi điện thoại cho K hẹn đến quán Thanh Ngân ở ấp Quí Thuận B, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre để nói chuyện. Ninh và Lưu đợi một lúc không thấy có ai đến nên ra về trước. Lưu nghe V nói chuyện mới biết là Ninh lên phụ giúp V giải quyết mâu thuẫn nên Lưu không muốn tham gia cùng, do trước đó V cũng đã từng đánh Lưu. Nghe điện thoại từ V xong, K nói cho Vũ, Vảng và Thương biết V hẹn ra quán Thanh Ngân để gặp mặt. Nghĩ sẽ có đánh nhau nên Vảng về nhà lấy cây cột cờ làm bằng kim loại cắt ra thành 06 (sáu) đoạn làm hung khí, mỗi đoạn dài khoảng 65cm, rồi mang đến nhà Vũ (có K và Thương chờ tại nhà Vũ). Thấy Trần Khánh Trân đi ngang nhà Vũ, Vảng rủ Trân đi cùng đến quán Thanh Ngân để gặp nhóm của V nói chuyện, Trân đồng ý nên điều khiển xe mô tô chở K, Vảng điều khiển xe mô tô chở Vũ mang theo bao tuýp sắt, Thương điều khiển xe mô tô đi một mình. Khoảng 14 giờ 15 phút nhóm của K đi đến quán Thanh Ngân. Đợi một lúc nhưng không thấy V đâu, K gọi điện thoại cho V kêu đến quán Thanh Ngân gặp mặt. V nghe điện thoại xong liền kêu Bằng đến quán Thanh Ngân thăm dò tình hình. Bằng đồng ý nên lấy

xe mô tô của V điều khiển đi đến quán Thanh Ngân. Khoảng 15 phút sau, Bằng quay trở lại quán Su Hào nói với V: “Tụi nó đi đông lắm, có mang theo bao đồ (hung khí) nữa!”. Nghe vậy V điện thoại cho Ninh nói: “Tụi nó đến rồi, đi đông lắm, quay lại phụ anh!”. Ninh đồng ý, Lưu không muốn quay lại nhưng lúc đi không mang theo tiền, không thể tự về nhà được nên Lưu để Ninh chở Lưu quay lại quán Su Hào.

Sau khi cả nhóm gồm Nhi, Tu Ta, Trà, Bằng, Ninh, Dư tập trung đầy đủ thì V gọi điện thoại cho nhóm K hẹn ra quán Su Hào gặp mặt để giải quyết mâu thuẫn. Hẹn với nhóm của K xong, V nói với cả nhóm: “Tụi nó đến để tao ra nói chuyện, nếu nói chuyện không được, tụi nó có đánh thì tụi bây phụ anh (lấy hung khí mang theo đánh lại)!”. Cả nhóm đều nghe V nói và tất cả đều đồng ý. Riêng Kha và Lưu, sau khi biết Nhi và Ninh đến để giúp V giải quyết mâu thuẫn, sắp có đánh nhau, không phải chuyện của Nhi và Ninh nên không tham gia cùng nhóm của V.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02 tháng 02 năm 2021, nhóm của K gồm: K, Vũ, Vảng và Trần mang theo một bao đựng 06 ống tuýp sắt đến quán Su Hào gặp V. Vảng điều khiển xe mô tô chở Vũ mang theo bao hung khí đựng 06 ống tuýp sắt chạy trước, K điều khiển xe mô tô chở Trần (chạy sau, di chuyển theo hướng từ xã Quới Điền đi xã Mỹ Hưng. Vừa chạy qua khỏi quán nước Su Hào thì thấy nhóm của V đang ngồi trong quán nước nên tất cả dừng xe lại, Vũ vứt bao hung khí xuống lộ, rồi hai tay cầm hai tuýp sắt, Vảng và K, mỗi người cầm một tuýp sắt, Trần không cầm hung khí, bốn người đứng ở lề lộ nhìn về phía nhóm của V đang trong quán nước Su Hào.

Ninh ngồi trong quán Su Hào nhìn thấy nhóm của K và nói: “Tụi nó đến kìa!” thì cả nhóm xông ra. Lúc này, V đi ra phía của K trước nhưng không cầm vật gì, Dư liền đi đến vị trí để bao hung khí, lấy một dao tự chế đi theo đưa cho V, rồi Dư quay trở lại lấy một ống tuýp sắt, Ninh lấy một ống tuýp sắt. Bằng, Tu Ta và Trà mỗi người đến chỗ để hung khí mỗi người lấy một dao tự chế. Nhi đến bao hung khí nhưng đã hết hung khí nên đi ra bằng tay không. Sau khi lấy hung khí, cả nhóm đi đến giữa Quốc lộ 57, V đứng trước, đối diện với Vảng, K, Vũ và Trần, những người còn lại đứng phía sau lưng V. Thấy V đến, Vảng nói: “Trước giờ tao với mày chưa đụng (đụng nghĩa là đánh nhau), nay đụng một bữa!”. Vừa nói xong thì V cầm dao tự chế và Vảng cầm tuýp sắt xông vào đánh nhau. Liền sau đó, những người còn lại của cả hai nhóm, cầm hung khí xông vào đánh nhau. Lúc này, tất cả chia thành hai nhóm nhỏ, Vũ và K trực tiếp đánh nhau với V, Bằng; Vảng và Trần đánh với Trà, Tu Ta, Dư, Nhi và Ninh.

Nhóm thứ nhất, Vũ và K đánh nhau với V và Bằng: V đánh nhau với Vũ, Bằng đánh với K. V dùng dao tự chế chém trúng ngón II bàn tay trái của Vũ, Vũ dùng tuýp sắt đánh trúng vào nón bảo hiểm đang đội trên đầu của V, Vũ phát hiện bị thương nên Vũ lùi về phía sau thì K xông đến dùng ống tuýp sắt đánh V, K bị V dùng dao tự chế chém trúng mặt ngoài bàn tay phải làm đứt lìa ngón II, gây thương tích ở ngón III, ngón IV và kẽ giữa ngón I và ngón II. K, Vũ bị thương nên bỏ chạy về hướng thị trấn Thạnh Phú thì V cầm dao tự chế đuổi theo sau, dùng dao chém

theo hướng từ trên xuống, thấy vậy nên Vũ đưa tay phải lên đỡ nên bị V chém trúng mặt lưng bàn tay phải. Sau đó, K và Vũ bỏ chạy khỏi hiện trường.

Nhóm thứ hai, Vàng và Trần đánh với Trà, Tu Ta, Dư, Nhi và Ninh. Lúc này, Vàng cầm ống tuýp sắt đánh với Tu Ta đang cầm dao tự chế, làm gãy dao rơi xuống lộ, Dư thấy vậy nên cầm tuýp sắt xông vào đánh với Vàng. Cùng lúc này, Trà cầm dao tự chế xông vào chém Vàng, Vàng đưa tay chụp dao của Trà, Dư xông vào đánh Vàng cái thứ hai thì bị Vàng dùng tuýp sắt đánh trúng vào vành nón bảo hiểm bên trái gây rách da chảy máu, Dư tiếp tục lao vào đánh Vàng. Vàng đánh trả lại Dư và đánh trúng vào nón bảo hiểm Ninh đang đội thì bị Ninh cầm tuýp sắt đánh trả trúng vào lưng của Vàng. Tiếp theo, Trà dùng dao tự chế chém trúng mặt lưng ngón I và ngón II bàn tay phải của Vàng. Sau đó, Vàng bỏ chạy thì bị Trà đuổi theo sau, Vàng chạy đến lề trái Quốc lộ 57 hướng từ thị trấn Thanh Phú đến xã Quới Điền thì bị vấp ngã nằm sấp, Trà chạy đến dùng dao tự chế chém trúng khuỷu tay phải của Vàng, Nhi chạy đến dùng chân đá vào hông phải của Vàng một cái, Trà tiếp tục vung dao từ trên xuống định chém vào lưng của Vàng thì Ninh đứng gần đó giật dao tự chế của Trà, trở bề sống dao, chém vào lưng của Vàng hai cái, rồi đưa dao tự chế lại cho Trà. Thương và Võ Minh Luân (bạn của K) đi đến thấy Vàng đang bị đánh nên chạy đến can ngăn. Trần không kịp cầm hung khí nên cũng bị nhóm của Trà đuổi đánh và bị bên Trà dùng ống tuýp sắt đánh trúng vào lưng. Thấy bên của K có thêm người tới, V, Bằng, Nhi, Dư, Tu Ta, Ninh, Trà mang theo hung khí rời khỏi hiện trường sau đó bị Cơ quan điều tra mời làm việc, thu giữ vật chứng. Vũ, K và Vàng được đưa đến Trung tâm y tế huyện Thanh Phú, rồi chuyển đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu (tỉnh Bến Tre) cấp cứu và điều trị.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 94-321/TgT, 95-321/TgT, 96-321/TgT, của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Đỗ Khắc Vàng là 14% (mười bốn phần trăm); tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Nguyễn Văn Vũ là 19% (mười chín phần trăm); tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Nguyễn Văn K là 15% (mười lăm phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

Tại Kết luận giám định số 1910/C09B ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận các mẫu máu đỏ nghi máu gửi giám định là máu người. Phân tích gen (ADN) từ các dấu vết thu được xác định trùng với kiểu gen của Đỗ Khắc Vàng, Nguyễn Văn Vũ, Nguyễn Văn K.

Qua điều tra xác định: tháng 9 năm 2017, Bùi Khánh N bị tai nạn giao thông, phải điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy, bị chấn thương vùng đầu. Do đó, ngày 26 tháng 9 năm 2021, Cơ quan điều tra ra Quyết định số 130 trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa giám định pháp y tâm thần đối với Bùi Khánh N. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 587/KL-VPYTW ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa xác định: về y học: trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Bùi Khánh N bị bệnh rối loạn nhân cách

và hành vi thực tổn (F07.8 – ICD.10). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: tại thời điểm gây án, Bùi Khánh N bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; hiện nay Bùi Khánh N đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, Đỗ Khắc Vảng có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người đã gây ra thương tích cho mình và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do thương tích gây ra (chi phí điều trị thương tích) với số tiền là 4.700.000 đồng (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người đã gây ra thương tích cho mình. Ngày 23 tháng 9 năm 2021, Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do thương tích gây ra (chi phí điều trị thương tích) với số tiền là 16.805.546 đồng (mười sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng); Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do thương tích gây ra (chi phí điều trị thương tích) với số tiền là 8.694.079 đồng (tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi chín đồng); bà Phạm Thị Đ (mẹ của Vũ, K) yêu cầu bồi thường tổn thất tiền công lao động và tiền ăn của người nuôi bệnh là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Quá trình tranh luận tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B phạm tội “Cố ý gây thương tích”

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Phước V từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài D từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu B từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trà Minh N từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ba Tít Tu T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 98, 101, 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Khánh N từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

*** Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Trả cho bị cáo Bùi Khánh N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, Model: TA1174, số Imel1: 353147111766434; số Imel2: 353147116766439, trên máy có lắp hai sim (đã qua sử dụng). Do đây là tài sản của Bùi Khánh N, qua điều tra xác định không phải là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 1 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 2 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 3 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có vết xước sắc gọn dài 1,5cm cách một đầu ống tuýp 18cm (đánh số 4 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 70cm, đường kính 2,5cm, có một đầu nhọn, trên ống tuýp có một vết mộp (lỗ) kích thước 02cm x 2,5cm cách đầu nhọn 26cm (đánh số 5 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) dao tự chế màu đen, bằng kim loại, mũi nhọn, đã qua sử dụng, dài 57cm, không có cán; phần dùng để cầm của dao có quần vải màu đỏ - trắng - xanh - vàng; lưỡi dao rộng nhất 7,5cm, hẹp nhất 4,5cm, trên lưỡi dao có hai vết lõm, vết thứ nhất có kích thước 0,5cm cách mũi dao 11cm, vết thứ hai có kích thước 0,3cm cách mũi dao 13,15cm.

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 67cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ, đã qua sử dụng; phần lưỡi dao dài 50cm, rộng nhất 4,3cm; cán dao dài 17cm, nơi rộng nhất 04cm; trên sống dao có hình răng cưa dài 14cm; phần mũi dao có vết màu nâu đã khô nghi là máu (đánh số 1 trên thân dao).

- 01 (một) ống tuýp sắt bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên tuýp sắt có vết màu nâu đã khô nghi là máu, trên tuýp sắt có một vết xước dài 02cm, rộng 01cm cách đầu tuýp sắt 26cm (đánh số 5.1 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp sắt bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm (có đánh dấu số 6 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, có chiều dài 49cm, mũi dao tày (mũi bằng); phần lưỡi dao dài 37cm, nơi rộng nhất 04cm; cán dao bằng kim loại dài 12cm, nơi rộng nhất 03cm (đã qua sử dụng).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, chiều dài 59cm, không có cán, mũi nhọn, màu đen; phần lưỡi dao dài 57cm, nơi rộng nhất 6,5cm, trên lưỡi dao có vết xước dài 02cm, rộng nhất 0,3cm cách mũi dao 12cm.

- 01 (một) túi vải màu đen có hoa văn hình rồng, bên trong có hai đoạn kim loại (côn) có đặc điểm giống nhau, mỗi đoạn dài 28,5cm, đường kính 2,5cm, được nối với nhau bằng sợi dây xích bằng kim loại có tổng chiều dài 74cm (đã qua sử dụng).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 69cm, phần lưỡi dao dài 48cm, rộng nhất 5,7cm, phần lưỡi dao có túi vải màu đen bọc lại, cán dao dài 21cm, trên sống dao có phần răng cưa dài 10cm cách cán dao 27cm, trên lưỡi dao có vết màu nâu đã khô nghi là máu (đánh dấu số 2 trên thân dao).

- 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa, lưỡi trai, hiệu NEW (đã qua sử dụng).

- 01 (một) chiếc dép trái hiệu DH Steady (đã qua sử dụng).
- Máu có vết máu nâu đỏ nghi máu được hoàn lại sau giám định.

Do các đồ vật trên là hung khí gây án, đồ vật đã cũ không còn giá trị sử dụng và chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Tổng số tiền bị hại Đỗ Khắc V, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn K và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ yêu cầu bồi thường là 33.949.625 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) các bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh Nhi, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B đồng ý với yêu cầu bồi thường và đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

- Tại phiên tòa các bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Người đại diện cho bị cáo Bùi Khánh N là bà Bùi Thị L có ý kiến: Thống nhất với nội dung, điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện cho bị cáo Trương Văn T là ông Trương Văn B có ý kiến: Thống nhất với nội dung, điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Khánh N có ý kiến: Thống nhất với nội dung, điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, bị cáo Bùi Khánh N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Năm 2017 bị cáo bị tai nạn giao thông nên bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị cáo đang nuôi con nhỏ, bị hại cũng có một phần lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị áp dụng hình phạt cho bị cáo theo mức đề nghị thấp nhất của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Bùi Khánh N không có tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, đồng ý và thống nhất với ý kiến của người đại diện cho bị cáo và của người bào chữa cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T có ý kiến: Thống nhất với nội dung, điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Trương Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa thành niên, bị hại cũng có một phần lỗi và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật về xử lý người chưa thành niên phạm tội áp dụng hình phạt cho bị cáo theo mức đề nghị thấp nhất của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Trương Văn T không có tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, đồng ý và thống nhất với ý kiến của người đại diện cho bị cáo và của người bào chữa cho bị cáo.

Bị hại Đỗ Khắc V có ý kiến: Thống nhất với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, thống nhất với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông (bà) Nguyễn Thị T, Võ Văn K, Nguyễn Thị L, Bùi Thị Ng, Trần Văn T và Nguyễn Thị D có ý kiến: Không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả hay bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Đ có ý kiến: bà là mẹ của hai bị hại Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Vũ, về trách nhiệm dân sự bà không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản nào khác và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Võ Phước V, Trương Văn Trà, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng các bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý xét xử, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng do đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là phù hợp với quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm và bản ảnh khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra và bản ảnh thực hiện điều tra, biên bản xác định hung khí gây án, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản giám định pháp y về thương tích, bản kết luận giám định ADN. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02 tháng 02 năm 2021, trên Quốc lộ 57, đoạn thuộc ấp Thạnh Khương B, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, nhóm do Võ Phước V cầm đầu (gồm Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B) dùng dao tự chế, ống tuýp sắt đánh nhau với nhóm của Nguyễn Văn K (gồm Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Vũ, Đỗ Khắc V và Trần Khánh T). Hậu quả: Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V, Đỗ Khắc Vảng bị thương tích. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Nguyễn Văn K là 15% (mười lăm phần trăm), đối với Nguyễn Văn V là 19% (mười chín phần trăm) và đối với Đỗ Khắc V là 14% (mười bốn phần trăm).

[3] Hành vi của bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự), nên bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

i) Có tính chất côn đồ;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...”

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo đồng ý và tự nguyện tác động gia đình đã bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại, người có quyền lợi liên quan với số tiền 33.949.625 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng). Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Hữu B, Nguyễn Hoài D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Bùi Khánh N, tại thời điểm phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Trương Văn T tại thời điểm phạm tội là chưa thành niên do đó áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự quy định về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, bị cáo Trần Văn Ba Tít Tu T có bà nội (bà Phạm Thị C) là Mẹ Việt Nam anh hùng, có chú (ông Trần Văn T, Trần Văn H, Trần Văn S) là liệt sĩ, bị cáo Lê Hữu B có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có cha là Lê Hoài P bị tai biến đang được hưởng bảo trợ xã hội tại đại phượng, bị cáo Võ Phước V có cha ruột là ông Võ Văn K trong quá trình công tác được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng nhiều kỷ niệm chương, Bằng khen do có nhiều thành tích trong công tác; bị cáo Nguyễn Hoài D có bà ngoại là bà Dương Thị Còn là người có công với cách mạng. Trong vụ án này bị hại Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V và Đỗ Khắc V cũng có một phần lỗi nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do các bị cáo Trương Văn Trà, Trà Minh Nhi, Nguyễn Hoài D, Trần Văn Ba Tít Tu T, Bùi Khánh N và Lê Hữu B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Võ Phước V là người đứng đầu nhóm bên các bị cáo, chủ động gọi, tập hợp bị cáo Bùi Khánh N, Trà Minh N và Trần Văn Ba Tít Tu T và kêu N, Nh, Tu T chuẩn bị hung khí. Đồng thời cũng là người kêu B đi thám thính tình hình bên

nhóm bị hại K. Là người cầm dao tự chế trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại Nguyễn Văn Vũ (19%), Nguyễn Văn K (15%). Bị cáo Nguyễn Hoài D là người đưa dao cho bị cáo V, là người tham gia tích cực, cầm tuýp sắt xông vào đánh Đỗ Khắc Vảng nhiều lần góp phần gây ra thương tích cho V (14%). Bị cáo Lê Hữu B là người mang theo 02 dao tự chế để cung cấp cho nhóm bị cáo gây thương tích cho bên bị hại, là người đi thám thính tình hình bên bị hại về báo cho bị cáo Võ Phước V. Khi xảy ra đánh nhau, bị cáo Bằng cầm dao tự chế cùng bị cáo V đánh nhau với bị hại Nguyễn Văn Vũ, Nguyễn Văn K. Bị cáo Trà Minh N sau khi nhận được cuộc gọi từ bị cáo V, Nhi là người gọi cho bị cáo Lê Hữu B và Trần Văn Ba Tít Tu T kêu đi hỗ trợ cho bị cáo V. Bị cáo Nhi cũng là người chuẩn bị hung khí gồm 03 dao tự chế và 02 ống tuýp sắt. Khi cả nhóm xông ra đánh nhau, do đã hết hung khí nên bị cáo Nhi không cầm vật gì nhưng khi Vảng bị ngã bị cáo Nhi có xông vào đạp, đá trúng người của Vảng. Bị cáo Bùi Khánh N sau khi nhận cuộc gọi từ V, Ninh là người gọi cho Dư kêu Dư hỗ trợ V. Khi đánh nhau, Ninh là người cầm tuýp sắt đánh trúng lưng của Vảng, là người giật dao của Trà trở bề sống chém vào người Vảng. Bị cáo Trần Văn Ba Tít Tu T là người cầm dao tự chế cùng với các bị cáo Trương Văn Trà, Nguyễn Hoài D, Trà Minh N và Bùi Khánh N đánh nhau với Vảng, Trần nhưng khi đánh nhau thì bị cáo Tu Ta bị Vảng đánh rớt dao tự chế. Bị cáo Trương Văn T tại thời điểm phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi nhưng có hành vi tích cực khi tham gia đánh nhau, chủ động xin đi cùng bị cáo Nhi và Tu Ta đến hỗ trợ bị cáo V, bị cáo Trà chính là người cầm dao tự chế chém trúng Vảng nhiều cái gây ra thương tích cho bị hại Vảng (14%). Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo Võ Phước V có vai trò chính nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác, các bị cáo Trương Văn Trà, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu Ta, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B phải cùng chịu trách nhiệm hình sự do có vai trò đồng phạm với Võ Phước V.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ vào nguyên nhân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: các bị cáo đã phạm vào tội rất nghiêm trọng. Trong vụ án trên, các bị cáo đã tập hợp cùng nhau dùng hung khí nguy hiểm là dao tự chế và tuýp sắt gây thương tích cho 03 bị hại là Đỗ Khắc Vảng, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Vũ với tỷ lệ tổn thương cơ thể lần lượt là 14%, 15% và 19%. Trong khi đó, nguyên nhân xảy ra vụ án chỉ xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất, cụ thể là do cáo V nợ tiền bị hại Nguyễn Văn K đã đến hạn trả nợ, bị hại K nhiều lần yêu cầu bị cáo V trả tiền nhưng V chưa trả dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã. Bị cáo V không chọn cách cư xử phù hợp, tìm cách trả số tiền nợ mà sau khi xảy ra cãi vã lại gọi điện thoại tập hợp các bị cáo, chuẩn bị hung khí, gọi nhóm bị hại đến điểm hẹn và đánh nhau, gây ra các thương tích cho phía bị hại. Riêng các bị cáo khác trong nhóm bị cáo V, mặc dù sự việc nợ tiền không hề liên quan đến các bị cáo nhưng khi biết V cần giúp đỡ đã nhanh chóng liên hệ các thành viên trong nhóm, cung cấp hung khí và tập hợp tham gia cùng V gây thương tích cho các bị hại. Do đó hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ và thể hiện tính xem thường pháp luật, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra bên ngoài xã

hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội và góp phần phòng ngừa chung cho cộng đồng.

Đối với Trần Khánh T và Nguyễn Hoài D khi tham gia đánh nhau bị thương tích nhẹ nên không yêu cầu xử lý hình sự đối với người gây ra thương tích cho mình và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V, Đỗ Khắc Vảng và Trần Khánh T có hành vi mang theo ống tuýp sắt và đánh nhau với nhóm của Võ Phước V nên Cơ quan điều tra đã chuyển xử lý hành chính theo quy định.

Đối với Trần Văn Lưu có hành vi để Bùi Khánh N dùng xe mô tô của Ninh chở đến hiện trường và Lê Văn Kha dùng xe mô tô của Kha chở Trà Minh Đến hiện trường, nhưng trước khi đi Lưu và Kha không biết việc Ninh và Nhi có hẹn cùng với Võ Phước V đánh nhau, gây thương tích cho người khác. Khi đến hiện trường Lưu và Kha cũng không tham gia bàn bạc, thống nhất việc đánh nhau với nhóm của Võ Phước V. Khi đánh nhau, Lưu và Kha cũng không tham gia hay có bất cứ hành vi nào để giúp sức cho nhóm của Võ Phước V. Do đó, Trần Văn L và Lê Văn K không phạm tội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu gì khác nên không đề cập.

[9] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả cho bị cáo Bùi Khánh N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, Model: TA1174, số Imel1: 353147111766434; số Imel2: 353147116766439, trên máy có lắp hai sim (đã qua sử dụng) do không có liên quan đến vụ án.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 1 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 2 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 3 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có vết xước sắc gọn dài 1,5cm cách một đầu ống tuýp 18cm (đánh số 4 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 70cm, đường kính 2,5cm, có một đầu nhọn, trên ống tuýp có một vết móp (lõm) kích thước 02cm x 2,5cm cách đầu nhọn 26cm (đánh số 5 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) dao tự chế màu đen, bằng kim loại, mũi nhọn, đã qua sử dụng, dài 57cm, không có cán; phần dùng để cầm của dao có quần vải màu đỏ - trắng - xanh - vàng; lưỡi dao rộng nhất 7,5cm, hẹp nhất 4,5cm, trên lưỡi dao có hai vết lõm, vết thứ nhất có kích thước 0,5cm cách mũi dao 11cm, vết thứ hai có kích thước 0,3cm cách mũi dao 13,15cm.

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 67cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ, đã qua sử dụng; phần lưỡi dao dài 50cm, rộng nhất 4,3cm; cán dao dài 17cm, nơi rộng nhất 04cm; trên sống dao có hình răng cưa dài 14cm; phần mũi dao có vết màu nâu đã khô nghi là máu (đánh số 1 trên thân dao).

- 01 (một) ống tuýp sắt bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên tuýp sắt có vết màu nâu đã khô nghi là máu, trên tuýp sắt có một vết xước dài 02cm, rộng 01cm cách đầu tuýp sắt 26cm (đánh số 5.1 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp sắt bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm (có đánh dấu số 6 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, có chiều dài 49cm, mũi dao tày (mũi bằng); phần lưỡi dao dài 37cm, nơi rộng nhất 04cm; cán dao bằng kim loại dài 12cm, nơi rộng nhất 03cm (đã qua sử dụng).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, chiều dài 59cm, không có cán, mũi nhọn, màu đen; phần lưỡi dao dài 57cm, nơi rộng nhất 6,5cm, trên lưỡi dao có vết xước dài 02cm, rộng nhất 0,3cm cách mũi dao 12cm.

- 01 (một) túi vải màu đen có hoa văn hình rồng, bên trong có hai đoạn kim loại (côn) có đặc điểm giống nhau, mỗi đoạn dài 28,5cm, đường kính 2,5cm, được nối với nhau bằng sợi dây xích bằng kim loại có tổng chiều dài 74cm (đã qua sử dụng).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 69cm, phần lưỡi dao dài 48cm, rộng nhất 5,7cm, phần lưỡi dao có túi vải màu đen bọc lại, cán dao dài 21cm, trên sống dao có phần răng cưa dài 10cm cách cán dao 27cm, trên lưỡi dao có vết màu nâu đã khô nghi là máu (đánh dấu số 2 trên thân dao).

- 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa, lưỡi trai, hiệu NEW (đã qua sử dụng).

- 01 (một) chiếc dép trái hiệu DH Steady (đã qua sử dụng).

- Máu có vết màu nâu đỏ nghi máu được hoàn lại sau giám định.

[10] Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên phân tích hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo, hậu quả, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với tính khách quan của vụ án, đúng với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh Nh, Trần Văn Ba Tít Tu T, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B phạm tội “Cố ý gây thương tích”

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Phước V 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu B 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trà Minh N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ba Tít Tu T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 98, 101, 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Khánh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu gì khác nên không đề cập.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS ngày 14/01/2022 và bản kê vật chứng ngày 14/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trả cho bị cáo Bùi Khánh N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, Model: TA1174, số Imel1: 353147111766434; số Imel2: 353147116766439, trên máy có lắp hai sim (đã qua sử dụng) do không có liên quan đến vụ án.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 1 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 2 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có dính chất màu nâu nghi máu (đánh số 3 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên ống tuýp có vết xước sắc gọn dài 1,5cm cách một đầu ống tuýp 18cm (đánh số 4 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 70cm, đường kính 2,5cm, có một đầu nhọn, trên ống tuýp có một vết mổ (lỗ) kích thước 02cm x 2,5cm cách đầu nhọn 26cm (đánh số 5 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) dao tự chế màu đen, bằng kim loại, mũi nhọn, đã qua sử dụng, dài 57cm, không có cán; phần dùng để cầm của dao có quấn vải màu đỏ - trắng - xanh - vàng; lưỡi dao rộng nhất 7,5cm, hẹp nhất 4,5cm, trên lưỡi dao có hai vết lõm, vết thứ nhất có kích thước 0,5cm cách mũi dao 11cm, vết thứ hai có kích thước 0,3cm cách mũi dao 13,15cm.

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 67cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ, đã qua sử dụng; phần lưỡi dao dài 50cm, rộng nhất 4,3cm; cán dao dài 17cm, nơi rộng

nhất 04cm; trên sống dao có hình răng cưa dài 14cm; phần mũi dao có vết màu nâu đã khô nghi là máu (đánh số 1 trên thân dao).

- 01 (một) ống tuýp sắt bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm, trên tuýp sắt có vết màu nâu đã khô nghi là máu, trên tuýp sắt có một vết xước dài 02cm, rộng 01cm cách đầu tuýp sắt 26cm (đánh số 5.1 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) ống tuýp sắt bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 65cm, đường kính 2,5cm (có đánh dấu số 6 trên thân ống tuýp).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, có chiều dài 49cm, mũi dao tày (mũi bằng); phần lưỡi dao dài 37cm, nơi rộng nhất 04cm; cán dao bằng kim loại dài 12cm, nơi rộng nhất 03cm (đã qua sử dụng).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, chiều dài 59cm, không có cán, mũi nhọn, màu đen; phần lưỡi dao dài 57cm, nơi rộng nhất 6,5cm, trên lưỡi dao có vết xước dài 02cm, rộng nhất 0,3cm cách mũi dao 12cm.

- 01 (một) túi vải màu đen có hoa văn hình rồng, bên trong có hai đoạn kim loại (côn) có đặc điểm giống nhau, mỗi đoạn dài 28,5cm, đường kính 2,5cm, được nối với nhau bằng sợi dây xích bằng kim loại có tổng chiều dài 74cm (đã qua sử dụng).

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, đã qua sử dụng, dài 69cm, phần lưỡi dao dài 48cm, rộng nhất 5,7cm, phần lưỡi dao có túi vải màu đen bọc lại, cán dao dài 21cm, trên sống dao có phần răng cưa dài 10 cm cách cán dao 27cm, trên lưỡi dao có vết màu nâu đã khô nghi là máu (đánh dấu số 2 trên thân dao).

- 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa, lưỡi trai, hiệu NEW (đã qua sử dụng).

- 01 (một) chiếc dép trái hiệu DH Steady (đã qua sử dụng).

- Mẫu có vết máu nâu đỏ nghi máu được hoàn lại sau giám định.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Phước V, Trương Văn T, Bùi Khánh N, Trà Minh N, Trần Văn Ba Tít Tu Ta, Nguyễn Hoài D và Lê Hữu B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ khi nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Nhà Tạm giữ
- CQ THA hình sự
- Người bào chữa
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương